

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 23/2011/NQ-HĐND

Đồng Nai, ngày 08 tháng 12 năm 2011

NGHỊ QUYẾT

**Về lệ phí giao dịch bảo đảm, phí cung cấp thông tin
về giao dịch bảo đảm trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
KHOÁ VIII - KỲ HỌP THỨ 3**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí số 38/2001/PL-UBTVQH10 ngày 28 tháng 8 năm 2001 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 83/2010/NĐ-CP ngày 23/7/2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm;

Căn cứ Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25/5/2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 69/2011/TTLT-BTC-BTP ngày 18/5/2011 của liên Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp hướng dẫn chế độ, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký giao dịch bảo đảm, phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm và phí sử dụng dịch vụ khách hàng thường xuyên;

Sau khi xem xét Tờ trình số 8160/TTr-UBND ngày 18/11/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh về lệ phí giao dịch bảo đảm, phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; nội dung báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và tổng hợp ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí thông qua Quy định về lệ phí giao dịch bảo đảm, phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm trên địa bàn tỉnh Đồng Nai như sau:

1. Đối tượng và phạm vi áp dụng:

Tổ chức, cá nhân có nhu cầu đăng ký giao dịch bảo đảm và cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Đối tượng đăng ký giao dịch bảo đảm:

a) Các trường hợp phải đăng ký giao dịch bảo đảm:

- Thế chấp quyền sử dụng đất.
- Thế chấp tài sản gắn liền với đất.
- Thế chấp rừng sản xuất là rừng trồng.
- Các trường hợp khác pháp luật có quy định phải đăng ký giao dịch bảo đảm.

b) Các trường hợp đăng ký thay đổi nội dung giao dịch bảo đảm đã đăng ký:

- Rút bớt, bổ sung hoặc thay thế bên bảo đảm, bên nhận bảo đảm; thay đổi tên của bên bảo đảm, bên nhận bảo đảm;
- Rút bớt tài sản bảo đảm;
- Bổ sung tài sản bảo đảm mà không ký kết hợp đồng bảo đảm mới;
- Tài sản bảo đảm là tài sản hình thành trong tương lai đã hình thành, trừ trường hợp tài sản bảo đảm hình thành trong tương lai là hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất, kinh doanh hoặc tài sản bảo đảm hình thành trong tương lai là phương tiện giao thông cơ giới đã ghi số khung khi đăng ký giao dịch bảo đảm;

- Yêu cầu sửa chữa sai sót nội dung đã kê khai trong đơn yêu cầu đăng ký;
- Thay đổi nội dung khác đã đăng ký.

c) Các trường hợp xóa đăng ký giao dịch bảo đảm:

- Chấm dứt nghĩa vụ được bảo đảm;
- Hủy bỏ hoặc thay thế giao dịch bảo đảm đã đăng ký bằng giao dịch bảo đảm khác;
- Thay thế toàn bộ tài sản bảo đảm bằng tài sản khác;
- Xử lý xong toàn bộ tài sản bảo đảm;
- Tài sản bảo đảm bị tiêu hủy; tài sản gắn liền với đất là tài sản bảo đảm bị phá dỡ, bị tịch thu theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- Có bản án, quyết định của Tòa án hoặc quyết định của Trọng tài đã có hiệu lực pháp luật về việc hủy bỏ giao dịch bảo đảm, tuyên bố giao dịch bảo đảm vô hiệu, đơn phương chấm dứt giao dịch bảo đảm hoặc tuyên bố chấm dứt giao dịch bảo đảm trong các trường hợp khác theo quy định của pháp luật;
- Theo thỏa thuận của các bên.

d) Trong trường hợp một tài sản được dùng để bảo đảm thực hiện nhiều nghĩa vụ thì khi yêu cầu đăng ký giao dịch bảo đảm tiếp theo, người yêu cầu đăng ký không phải xóa đăng ký đối với giao dịch bảo đảm đã đăng ký trước đó.

3. Các trường hợp không thu lệ phí giao dịch bảo đảm, phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm:

a) Không áp dụng thu lệ phí đăng ký giao dịch bảo đảm đối với các trường hợp sau đây:

- Các cá nhân, hộ gia đình khi đăng ký giao dịch bảo đảm để vay vốn tại tổ chức tín dụng để sản xuất, kinh doanh thì không phải nộp lệ phí đăng ký giao dịch

bảo đảm theo quy định tại Nghị định số 41/2010/NĐ-CP ngày 12/4/2010 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn;

- Yêu cầu sửa chữa sai sót về nội dung đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng cho thuê tài chính do lỗi của Đăng ký viên;

- Thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, yêu cầu thay đổi nội dung đã thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, xoá thông báo việc kê biên.

b) Không áp dụng thu phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm đối với các trường hợp sau đây:

- Tổ chức, cá nhân yêu cầu cấp văn bản chứng nhận nội dung đăng ký trong trường hợp đăng ký trực tuyến giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo kê biên;

- Chấp hành viên yêu cầu cung cấp thông tin về tài sản kê biên;

- Điều tra viên, Kiểm sát viên và Thẩm phán yêu cầu cung cấp thông tin phục vụ cho hoạt động tố tụng.

4. Mức thu lệ phí giao dịch bảo đảm, phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm:

a) Mức thu lệ phí đăng ký giao dịch bảo đảm, cụ thể như sau:

- Đăng ký giao dịch bảo đảm: Mức thu là 80.000 đồng/hồ sơ.

- Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản bảo đảm: Mức thu là 70.000 đồng/hồ sơ.

- Đăng ký thay đổi nội dung giao dịch bảo đảm đã đăng ký: Mức thu là 60.000 đồng/hồ sơ.

- Đăng ký xóa giao dịch bảo đảm: Mức thu là 20.000 đồng/hồ sơ.

b) Mức thu phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm (bao gồm cả trường hợp cung cấp văn bản chứng nhận hoặc bản sao văn bản chứng nhận về giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án): Mức thu là 30.000 đồng/trường hợp.

5. Đơn vị, tổ chức thu phí, lệ phí

a) Đối với cá nhân:

- Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện.

- Ủy ban nhân dân cấp xã (trong trường hợp được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện ủy quyền thực hiện đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân cư trú tại các xã ở xa huyện lỵ).

b) Đối với tổ chức: Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

6. Mức trích lệ phí giao dịch bảo đảm, phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm.

a) Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Biên Hòa, thị xã Long Khánh: Mức trích để lại cho đơn vị thực hiện thu phí, lệ phí là 70% (bảy mươi phần trăm).

b) Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất các huyện: Long Thành, Xuân Lộc, Tân Phú, Vĩnh Cửu, Định Quán, Trảng Bom, Thống Nhất, Nhơn Trạch và Cẩm Mỹ: Mức trích để lại cho đơn vị thực hiện thu phí, lệ phí là 100% (một trăm phần trăm).

c) Ủy ban nhân dân xã trong trường hợp được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện ủy quyền thực hiện đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân cư trú tại các xã ở xa huyện lỵ: Mức trích để lại cho đơn vị thực hiện thu phí, lệ phí là 100% (một trăm phần trăm).

d) Trường hợp nguồn thu lệ phí giao dịch bảo đảm, phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm không đủ trang trải chi phí cho việc thực hiện công việc, dịch vụ thu phí, lệ phí theo chế độ quy định thì ngân sách cấp tỉnh, cấp huyện sẽ đảm bảo kinh phí hoạt động cho cơ quan đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này; định kỳ hàng năm đánh giá kết quả thực hiện và báo cáo tại kỳ họp cuối năm của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Thường trực HĐND tỉnh, các Ban HĐND tỉnh, các Tổ đại biểu HĐND tỉnh và đại biểu HĐND tỉnh tổ chức giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết này theo luật định.

Điều 3. Nghị quyết này thay thế quy định về lệ phí đăng ký và phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm được quy định tại Điểm g, Khoản 2, Điều 2 Nghị quyết số 92/2007/NQ-HĐND ngày 25/7/2007 của HĐND tỉnh về thu phí thẩm định cấp giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, thu lệ phí cấp giấy chứng nhận và xác nhận thay đổi giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, thu các loại phí, lệ phí thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh khoá VIII - kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2011.

Nghị quyết này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội (A+B);
- Văn phòng Chính phủ (A+B);
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Tư pháp;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Đồng Nai;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh và các đoàn thể;
- Các Sở, ban, ngành;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND; UBND cấp huyện;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Báo Đồng Nai, Báo LĐĐN; Đài PT-TH ĐN;
- Lưu VT, CV.



TỜ TRÌNH

**Về lệ phí giao dịch bảo đảm, phí cung cấp
thông tin về giao dịch bảo đảm trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

Thực hiện Nghị định số 83/2010/NĐ-CP ngày 23/7/2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm và hướng dẫn của liên Bộ Tài chính - Bộ Tư pháp tại Thông tư liên tịch số 69/2011/TTLT-BTC-BTP ngày 18/5/2011 về chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí giao dịch bảo đảm, phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm và phí sử dụng dịch vụ khách hàng thường xuyên, Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan xây dựng Đề án lệ phí giao dịch bảo đảm, phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Sau khi dự thảo được hoàn thành, Ủy ban nhân dân tỉnh đã tổ chức họp thông qua tập thể Ủy ban nhân dân tỉnh và được tập thể Ủy ban nhân dân tỉnh đồng ý. (có đề án chi tiết kèm theo)

Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết quy định lệ phí giao dịch bảo đảm, phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm trên địa bàn tỉnh Đồng Nai với những nội dung chủ yếu sau:

I. CƠ SỞ PHÁP LÝ

Việc xây dựng và trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua quy định lệ phí giao dịch bảo đảm, phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm trên địa bàn tỉnh Đồng Nai căn cứ trên các cơ sở pháp lý sau:

- Luật Đất đai được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2003;
- Pháp lệnh Phí và lệ phí số 38/2001/PL-UBTVQH10 ngày 28/8/2001 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí;
- Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí;
- Nghị định số 83/2010/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm;
- Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí;
- Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25/5/2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí;

- Thông tư liên tịch số 69/2011/TTLT-BTC-BTP ngày 18/5/2011 của liên Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp hướng dẫn chế độ, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký giao dịch bảo đảm, phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm và phí sử dụng dịch vụ khách hàng thường xuyên.

II. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Thực hiện, Pháp lệnh Phí và lệ phí, năm 2007, Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 92/2007/NQ-HĐND ngày 25/7/2007 quy định về Lệ phí đăng ký và phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh ban hành Quyết định 55/2007/QĐ-UBND ngày 21/8/2007 triển khai thực hiện. Qua 04 năm triển khai thực hiện quy định về lệ phí đăng ký và phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm theo Nghị quyết số 92/2007/NQ-HĐND ngày 25/7/2007 của Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất các cấp đã tổ chức thực hiện nghiêm túc việc thu phí, lệ phí theo quy định. Công tác thu phí được triển khai hiệu quả, tạo thuận lợi cho người dân, các tổ chức, đơn vị trong việc nộp phí, lệ phí; giải quyết kịp thời nhu cầu về đăng ký giao dịch bảo đảm trên địa bàn. Kết quả thu phí, lệ phí tạo thêm nguồn thu cho ngân sách.

Ngày 23/7/2010, Chính phủ ban hành Nghị định số 83/2010/NĐ-CP về đăng ký giao dịch bảo đảm và liên Bộ Tài chính - Bộ Tư pháp ban hành Thông tư liên tịch số 69/2011/TTLT-BTC-BTP ngày 18/5/2011 hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký giao dịch bảo đảm, phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm và phí sử dụng khách hàng thường xuyên trong đó có quy định mới về đăng ký giao dịch bảo đảm.

Để thực hiện quy định của Trung ương, việc xây dựng, trình Hội đồng nhân dân tỉnh quy định lệ phí giao dịch bảo đảm, phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm làm cơ sở triển khai thực hiện trên địa bàn của tỉnh là cần thiết.

III. NỘI DUNG ĐỀ ÁN

1. Tên phí, lệ phí

Lệ phí giao dịch bảo đảm, phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Đối tượng và phạm vi áp dụng

Tổ chức, cá nhân có nhu cầu đăng ký giao dịch bảo đảm và cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

3. Đối tượng đăng ký giao dịch bảo đảm

a) Các trường hợp phải đăng ký giao dịch bảo đảm

- Thế chấp quyền sử dụng đất.
- Thế chấp tài sản gắn liền với đất.
- Thế chấp rừng sản xuất là rừng trồng.

b) Các trường hợp đăng ký thay đổi nội dung giao dịch bảo đảm đã đăng ký:

- Rút bớt, bổ sung hoặc thay thế bên bảo đảm, bên nhận bảo đảm; thay đổi tên của bên bảo đảm, bên nhận bảo đảm;

- Rút bớt tài sản bảo đảm;
 - Bổ sung tài sản bảo đảm mà không ký kết hợp đồng bảo đảm mới;
 - Tài sản bảo đảm là tài sản hình thành trong tương lai đã hình thành, trừ trường hợp tài sản bảo đảm hình thành trong tương lai là hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất, kinh doanh hoặc tài sản bảo đảm hình thành trong tương lai là phương tiện giao thông cơ giới đã ghi số khung khi đăng ký giao dịch bảo đảm;
 - Yêu cầu sửa chữa sai sót nội dung đã kê khai trong đơn yêu cầu đăng ký;
 - Thay đổi nội dung khác đã đăng ký.
- c) Các trường hợp xóa đăng ký giao dịch bảo đảm:
- Chấm dứt nghĩa vụ được bảo đảm;
 - Hủy bỏ hoặc thay thế giao dịch bảo đảm đã đăng ký bằng giao dịch bảo đảm khác;
 - Thay thế toàn bộ tài sản bảo đảm bằng tài sản khác;
 - Xử lý xong toàn bộ tài sản bảo đảm;
 - Tài sản bảo đảm bị tiêu hủy; tài sản gắn liền với đất là tài sản bảo đảm bị phá dỡ, bị tịch thu theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
 - Có bản án, quyết định của Tòa án hoặc quyết định của Trọng tài đã có hiệu lực pháp luật về việc hủy bỏ giao dịch bảo đảm, tuyên bố giao dịch bảo đảm vô hiệu, đơn phương chấm dứt giao dịch bảo đảm hoặc tuyên bố chấm dứt giao dịch bảo đảm trong các trường hợp khác theo quy định của pháp luật;
 - Theo thỏa thuận của các bên.
- d) Trong trường hợp một tài sản được dùng để bảo đảm thực hiện nhiều nghĩa vụ thì khi yêu cầu đăng ký giao dịch bảo đảm tiếp theo, người yêu cầu đăng ký không phải xóa đăng ký đối với giao dịch bảo đảm đã đăng ký trước đó.
4. Các trường hợp không thu lệ phí giao dịch bảo đảm, phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm.
- a) Không áp dụng thu lệ phí đăng ký giao dịch bảo đảm đối với các trường hợp sau đây:
- Các cá nhân, hộ gia đình khi đăng ký giao dịch bảo đảm để vay vốn tại tổ chức tín dụng để sản xuất, kinh doanh thì không phải nộp lệ phí đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định tại Nghị định số 41/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn;
 - Yêu cầu sửa chữa sai sót về nội dung đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng cho thuê tài chính do lỗi của Đăng ký viên;
 - Thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, yêu cầu thay đổi nội dung đã thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, xoá thông báo việc kê biên.

b) Không áp dụng thu phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm đối với các trường hợp sau đây:

- Tổ chức, cá nhân yêu cầu cấp văn bản chứng nhận nội dung đăng ký trong trường hợp đăng ký trực tuyến giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo kê biên;

- Chấp hành viên yêu cầu cung cấp thông tin về tài sản kê biên;

- Điều tra viên, Kiểm sát viên và Thẩm phán yêu cầu cung cấp thông tin phục vụ cho hoạt động tố tụng.

5. Đơn vị, tổ chức thu phí, lệ phí

a) Đối với cá nhân: Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện.

Ủy ban nhân dân xã trong trường hợp được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện ủy quyền thực hiện đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân cư trú tại các xã ở xa huyện lỵ.

b) Đối với tổ chức: Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

6. Mức thu lệ phí giao dịch bảo đảm, phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm

a) Mức thu lệ phí đăng ký giao dịch bảo đảm, cụ thể như sau:

- Đăng ký giao dịch bảo đảm: Mức thu là 80.000 đồng/hồ sơ.

- Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản bảo đảm: Mức thu là 70.000 đồng/hồ sơ.

- Đăng ký thay đổi nội dung giao dịch bảo đảm đã đăng ký: Mức thu là 60.000 đồng/hồ sơ.

- Đăng ký xóa giao dịch bảo đảm: Mức thu là 20.000 đồng/hồ sơ.

b) Mức thu phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm (bao gồm cả trường hợp cung cấp văn bản chứng nhận hoặc bản sao văn bản chứng nhận về giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án): Mức thu là 30.000 đồng/trường hợp.

7. Mức trích lệ phí giao dịch bảo đảm, phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm.

a) Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Biên Hòa, Thị xã Long Khánh: Mức trích để lại cho đơn vị thực hiện thu phí, lệ phí là **70%**.

b) Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất các huyện: Long Thành, Xuân Lộc, Tân Phú, Vĩnh Cửu, Tân Phú, Định Quán, Trảng Bom, Thống Nhất, Nhơn Trạch: Mức trích để lại cho đơn vị thực hiện thu phí, lệ phí là **100%**.

c) Ủy ban nhân dân xã trong trường hợp được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện ủy quyền thực hiện đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân cư trú tại các xã ở xa huyện lỵ: Mức trích để lại cho đơn vị thực hiện thu phí, lệ phí là **100%**.

Trường hợp nguồn thu lệ phí giao dịch bảo đảm, phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm không đủ trang trải chi phí cho việc thực hiện công việc, dịch vụ thu phí, lệ phí theo chế độ quy định thì ngân sách cấp tỉnh, cấp huyện sẽ đảm bảo kinh phí hoạt động cho cơ quan đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.

8. Về chế độ thu nộp, quản lý sử dụng, lập dự toán và quyết toán lệ phí giao dịch bảo đảm, phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm; việc công khai thu phí, lệ phí và công tác tổ chức thực hiện: Được nêu cụ thể tại Đề án đính kèm Tờ trình này.

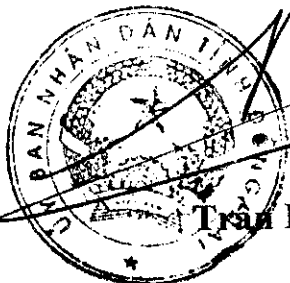
Ủy ban nhân dân tỉnh kính báo cáo trình Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VIII - kỳ họp thứ 3 xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Sở Tài chính;
- Chánh, Phó văn phòng;
- Lưu VT, TH, KT.

@DienKT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Minh Phúc

ĐỀ ÁN

**Về lệ phí giao dịch bảo đảm, phí cung cấp
thông tin về giao dịch bảo đảm trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**
(Kèm theo Tờ trình số **2160** /TTr-UBND
ngày **18** /11/2011 của UBND tỉnh Đồng Nai)

I. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Căn cứ Luật Đất đai được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2003;
- Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí số 38/2001/PL-UBTVQH10 ngày 28 tháng 8 năm 2001 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí;
- Căn cứ Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí;
- Căn cứ Nghị định số 83/2010/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm;
- Căn cứ Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí;
- Căn cứ Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25/5/2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí;
- Căn cứ Thông tư liên tịch số 69/2011/TTLT-BTC-BTP ngày 18/5/2011 của liên Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp hướng dẫn chế độ, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký giao dịch bảo đảm, phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm và phí sử dụng dịch vụ khách hàng thường xuyên.

II. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Thực hiện, Pháp lệnh Phí và lệ phí, năm 2007, Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 92/2007/NQ-HĐND ngày 25/7/2007 quy định về Lệ phí đăng ký và phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh ban hành Quyết định 55/2007/QĐ-UBND ngày 21/8/2007 triển khai thực hiện. Qua 04 năm triển khai thực hiện quy định về lệ phí đăng ký và phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm theo Nghị quyết số 92/2007/NQ-HĐND ngày 25/7/2007 của Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất các cấp đã tổ chức thực hiện nghiêm túc việc thu phí, lệ phí theo quy định. Công tác thu phí được triển khai hiệu quả, tạo thuận lợi cho người

dân, các tổ chức, đơn vị trong việc nộp phí, lệ phí; giải quyết kịp thời nhu cầu về đăng ký giao dịch bảo đảm trên địa bàn.

Qua 04 năm thực hiện, tổng số phí, lệ phí thu được là 3.109.140.000 đồng, trong đó: Cấp tỉnh thu được 191.060.000 đồng, cấp huyện thu được 2.918.080.000 đồng, nhiều nhất là thành phố Biên Hòa là 1.294.240.000 đồng. Các đơn vị đã nộp ngân sách nhà nước là 1.562.881.000 đồng. Kết quả thu phí, lệ phí tạo thêm nguồn thu cho ngân sách.

Ngày 23/7/2010, Chính phủ ban hành Nghị định số 83/2010/NĐ-CP về đăng ký giao dịch bảo đảm và liên Bộ Tài chính - Bộ Tư pháp ban hành Thông tư liên tịch số 69/2011/TTLT-BTC-BTP ngày 18/5/2011 hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký giao dịch bảo đảm, phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm và phí sử dụng khách hàng thường xuyên trong đó có quy định mới về đăng ký giao dịch bảo đảm.

Để triển khai, thực hiện các quy định của Trung ương, việc xây dựng trình Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về lệ phí giao dịch bảo đảm, phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm làm cơ sở triển khai thực hiện trên địa bàn của tỉnh Đồng Nai là cần thiết.

III. NỘI DUNG ĐỀ ÁN

1. Tên phí, lệ phí

Lệ phí giao dịch bảo đảm, phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Đối tượng và phạm vi áp dụng

Tổ chức, cá nhân có nhu cầu đăng ký giao dịch bảo đảm và cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

3. Đối tượng đăng ký giao dịch bảo đảm

a) Các trường hợp phải đăng ký giao dịch bảo đảm

- Thế chấp quyền sử dụng đất.
- Thế chấp tài sản gắn liền với đất.
- Thế chấp rừng sản xuất là rừng trồng.

b) Các trường hợp đăng ký thay đổi nội dung giao dịch bảo đảm đã đăng ký:

- Rút bớt, bổ sung hoặc thay thế bên bảo đảm, bên nhận bảo đảm; thay đổi tên của bên bảo đảm, bên nhận bảo đảm;
- Rút bớt tài sản bảo đảm;
- Bổ sung tài sản bảo đảm mà không ký kết hợp đồng bảo đảm mới;
- Tài sản bảo đảm là tài sản hình thành trong tương lai đã hình thành, trừ trường hợp tài sản bảo đảm hình thành trong tương lai là hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất, kinh doanh hoặc tài sản bảo đảm hình thành trong tương lai là phương tiện giao thông cơ giới đã ghi số khung khi đăng ký giao dịch bảo đảm;

- Yêu cầu sửa chữa sai sót nội dung đã kê khai trong đơn yêu cầu đăng ký;
 - Thay đổi nội dung khác đã đăng ký.
- c) Các trường hợp xóa đăng ký giao dịch bảo đảm:
- Chấm dứt nghĩa vụ được bảo đảm;
 - Hủy bỏ hoặc thay thế giao dịch bảo đảm đã đăng ký bằng giao dịch bảo đảm khác;
 - Thay thế toàn bộ tài sản bảo đảm bằng tài sản khác;
 - Xử lý xong toàn bộ tài sản bảo đảm;
 - Tài sản bảo đảm bị tiêu hủy; tài sản gắn liền với đất là tài sản bảo đảm bị phá dỡ, bị tịch thu theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
 - Có bản án, quyết định của Tòa án hoặc quyết định của Trọng tài đã có hiệu lực pháp luật về việc hủy bỏ giao dịch bảo đảm, tuyên bố giao dịch bảo đảm vô hiệu, đơn phương chấm dứt giao dịch bảo đảm hoặc tuyên bố chấm dứt giao dịch bảo đảm trong các trường hợp khác theo quy định của pháp luật;
 - Theo thỏa thuận của các bên.

d) Trong trường hợp một tài sản được dùng để bảo đảm thực hiện nhiều nghĩa vụ thì khi yêu cầu đăng ký giao dịch bảo đảm tiếp theo, người yêu cầu đăng ký không phải xóa đăng ký đối với giao dịch bảo đảm đã đăng ký trước đó.

4. Các trường hợp không thu lệ phí giao dịch bảo đảm, phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm.

a) Không áp dụng thu lệ phí đăng ký giao dịch bảo đảm đối với các trường hợp sau đây:

- Các cá nhân, hộ gia đình khi đăng ký giao dịch bảo đảm để vay vốn tại tổ chức tín dụng để sản xuất, kinh doanh thì không phải nộp lệ phí đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định tại Nghị định số 41/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn;

- Yêu cầu sửa chữa sai sót về nội dung đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng cho thuê tài chính do lỗi của Đăng ký viên;

- Thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, yêu cầu thay đổi nội dung đã thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, xóa thông báo việc kê biên.

b) Không áp dụng thu phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm đối với các trường hợp sau đây:

- Tổ chức, cá nhân yêu cầu cấp văn bản chứng nhận nội dung đăng ký trong trường hợp đăng ký trực tuyến giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo kê biên;

- Chấp hành viên yêu cầu cung cấp thông tin về tài sản kê biên;

- Điều tra viên, Kiểm sát viên và Thẩm phán yêu cầu cung cấp thông tin phục vụ cho hoạt động tố tụng.

5. Đơn vị, tổ chức thu phí, lệ phí

a) Đối với cá nhân: Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện.

Ủy ban nhân dân xã trong trường hợp được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện ủy quyền thực hiện đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân cư trú tại các xã ở xa huyện lỵ.

b) Đối với tổ chức: Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

6. Mức thu lệ phí giao dịch bảo đảm, phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm

a) Mức thu lệ phí đăng ký giao dịch bảo đảm, cụ thể như sau:

- Đăng ký giao dịch bảo đảm: Mức thu là 80.000 đồng/hồ sơ.
- Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản bảo đảm: Mức thu là 70.000 đồng/hồ sơ.
- Đăng ký thay đổi nội dung giao dịch bảo đảm đã đăng ký: Mức thu là 60.000 đồng/hồ sơ.
- Đăng ký xóa giao dịch bảo đảm: Mức thu là 20.000 đồng/hồ sơ.

b) Mức thu phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm (bao gồm cả trường hợp cung cấp văn bản chứng nhận hoặc bản sao văn bản chứng nhận về giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án): Mức thu là 30.000 đồng/trường hợp.

7. Mức trích lệ phí giao dịch bảo đảm, phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm.

Mức trích để lại cho đơn vị thực hiện thu phí, lệ phí xác định theo tỷ lệ phần trăm (%) như sau:

Dự toán cả năm về chi phí cần thiết cho việc thu
lệ phí và phí theo chế độ, tiêu chuẩn, định mức quy định

$$\text{Tỷ lệ (\%)} = \frac{\text{Dự toán cả năm về chi phí cần thiết cho việc thu lệ phí và phí theo chế độ, tiêu chuẩn, định mức quy định}}{\text{Dự toán cả năm về phí, lệ phí thu được}} \times 100$$

Dự toán cả năm về phí, lệ phí thu được

(có phụ lục dự toán chi tiết kèm theo)

Cụ thể đối với từng nhóm tổ chức thu phí, lệ phí như sau:

a) Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Biên Hòa, Thị xã Long Khánh: Mức trích để lại cho đơn vị thực hiện thu phí, lệ phí là **70%**.

b) Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất các huyện: Long Thành, Xuân Lộc, Tân Phú, Vĩnh Cửu, Tân Phú, Định Quán, Trảng Bom, Thống Nhất, Nhơn Trạch: Mức trích để lại cho đơn vị thực hiện thu phí, lệ phí là **100%**.

c) Ủy ban nhân dân xã trong trường hợp được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện ủy quyền thực hiện đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân cư trú tại các xã ở xa huyện lỵ: Mức trích để lại cho đơn vị thực hiện thu phí, lệ phí là 100%.

Trường hợp nguồn thu lệ phí giao dịch bảo đảm, phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm không đủ trang trải chi phí cho việc thực hiện công việc, dịch vụ thu phí, lệ phí theo chế độ quy định thì ngân sách cấp tỉnh, cấp huyện sẽ đảm bảo kinh phí hoạt động cho cơ quan đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.

8. Chế độ thu nộp, quản lý sử dụng, lập dự toán và quyết toán lệ phí giao dịch bảo đảm, phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm

a) Chứng từ thu phí, lệ phí

Chứng từ thu lệ phí đăng ký giao dịch bảo đảm, phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm do Cục Thuế Đồng Nai phát hành theo quy định tại Điểm 1, Điểm 2 phần A, Mục IV Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí, lệ phí.

Tổ chức thu phí, lệ phí phải lập và cấp biên lai cho đối tượng nộp lệ phí đăng ký giao dịch bảo đảm, phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm.

b) Thu nộp phí, lệ phí

Định kỳ trước ngày 05 (năm) hàng tháng, tổ chức thu thực hiện kê khai kết quả số tiền lệ phí đăng ký giao dịch bảo đảm, phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm của tháng trước gửi cho cơ quan thuế trực tiếp quản lý theo mẫu của cơ quan thuế quy định.

Nhận được tờ kê khai của tổ chức thu gửi đến, cơ quan thuế phải kiểm tra, tính và thông báo cho tổ chức thu nộp vào ngân sách nhà nước đối với khoản thu phải nộp vào ngân sách. Thông báo của cơ quan thuế phải ghi rõ số tiền nộp. Thời gian nộp và chương, loại, khoản, mục, tiểu mục của mục lục ngân sách quy định.

Tổ chức thu phí, lệ phí phải nộp tiền lệ phí đăng ký giao dịch bảo đảm, phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm vào ngân sách nhà nước theo đúng tờ khai của cơ quan thuế, chậm nhất không quá 15 ngày của tháng tiếp theo.

c) Quản lý, sử dụng lệ phí đăng ký giao dịch bảo đảm, phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm.

Tổ chức thu phí, lệ phí được trích phí, lệ phí thu được để lại để chi phí thường xuyên cho công tác thu lệ phí đăng ký giao dịch bảo đảm, phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm. Phần phí, lệ phí mà tổ chức thu được trích để lại sử dụng theo quy định tại điểm 8 Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 và quy định hiện hành về tài chính.

d) Lập dự toán thu và quyết toán lệ phí đăng ký giao dịch bảo đảm, phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm

Hàng năm, tổ chức thu phí, lệ phí phải lập dự toán thu - chi đúng quy định của Bộ Tài chính về hướng dẫn phân cấp, lập, chấp hành và quyết toán theo Luật Ngân sách hiện hành (*Dự toán phân khai chi tiết nội dung thu - chi phí đúng quy định và kèm thuyết minh*) gửi cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực cấp trên, cơ quan tài chính, cơ quan thuế cùng cấp, kho bạc nhà nước nơi tổ chức thu mở tài khoản tạm giữ tiền phí, lệ phí để kiểm soát chi theo quy định hiện hành.

Định kỳ hàng năm tổ chức thu phí, lệ phí phải lập quyết toán phí, lệ phí gửi cơ quan thuế, tài chính cùng cấp để thẩm tra quyết toán và thông báo duyệt toán năm. Sau khi quyết toán đúng chế độ, số tiền phí, lệ phí chưa chi trong năm được phép chuyển sang năm sau để tiếp tục chi theo chế độ quy định.

9. Công khai chế độ thu lệ phí đăng ký giao dịch bảo đảm, phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm.

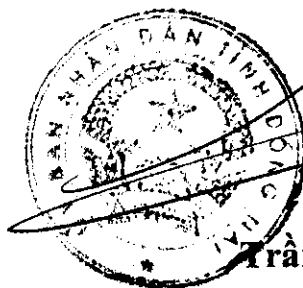
Tổ chức thu lệ phí đăng ký giao dịch bảo đảm, phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm phải niêm yết hoặc thông báo công khai tại địa điểm thu phí, lệ phí ở vị trí thuận tiện để các đối tượng nộp dễ nhận biết theo quy định tại phần Đ, Mục IV Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính gồm: Niêm yết tên phí, lệ phí, mức thu, đối tượng nộp, đối tượng thu; chứng từ thu; thông báo công khai văn bản quy định thu phí, lệ phí.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Sau khi Đề án lệ phí giao dịch bảo đảm, phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm trên địa bàn tỉnh Đồng Nai được Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết thông qua, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định thay thế quy định về lệ phí và phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm được quy định tại khoản 4, Điều 1, Quyết định số 55/2007/QĐ-UBND ngày 21 tháng 8 năm 2007 của UBND tỉnh về việc ban hành mức thu và mức trích lệ phí cấp giấy, xác nhận thay đổi giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở trên địa bàn tỉnh Đồng Nai để triển khai thực hiện.

Trong quá trình thực hiện, khi có sự thay đổi của quy định pháp luật về lệ phí giao dịch bảo đảm, phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm trên địa bàn tỉnh Đồng Nai thì Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo trình Thường trực Hội đồng nhân tỉnh, Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Minh Phúc

Phụ lục 1:

DỰ TOÁN THU CHI
Lệ phí đăng ký giao dịch bảo đảm, phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm
TẠI VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT CẤP TỈNH
(Đối với Tổ chức)

Stt	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Mức thu/chi	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
A	TỔNG THU				51.900.000	
1	Lệ phí đăng ký giao dịch bảo đảm				50.400.000	
a	Đăng ký giao dịch bảo đảm	Hồ sơ	500	80.000	40.000.000	
b	Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản bảo đảm	Hồ sơ	20	70.000	1.400.000	
c	Đăng ký thay đổi nội dung giao dịch bảo đảm đã đăng ký	Hồ sơ	50	60.000	3.000.000	
d	Xóa đăng ký giao dịch bảo đảm	Hồ sơ	300	20.000	6.000.000	
2	Phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm	<i>Trường hợp</i>	50	30.000	1.500.000	
B	DỰ TOÁN CHI				36.578.692	
1	Nhân công thu phí				26.675.292	
	Nhân công -KTV2-hệ số lương 1,99	người	1	1.651.700	19.820.400	
	BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ (22%)				4.360.488	
	Làm thêm ngoài giờ	Giờ	100	8.427	842.704	
	Khen thưởng	tháng lương	1	1.651.700	1.651.700	
2	Văn phòng phẩm				2.259.800	
	Biên lai thu phí	quyển	20	3.000	60.000	
	Giấy A4	Ram	15	60.000	900.000	
	Kim bấm	hộp	6	2.000	12.000	
	Hộp hồ sơ lớn	cái	12	29.800	357.600	
	Hộp hồ sơ nhỏ	cái	5	20.000	100.000	
	Bút TL-027	cây	10	2.000	20.000	
	Bút UM-100	cây	4	10.000	40.000	

Stt	Nội dung		Đơn vị tính	Số lượng	Mức thu/chi	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
		Kẹp bướm nhỏ	hộp	4	4.000	16.000	
		Bìa nút	cái	10	2.600	26.000	
		Mực in	hộp	1	700.000	700.000	
		Cáp 3 dây	cái	6	4.700	28.200	
3	Khấu hao					6.843.600	
		Máy vi tính P4-3.0ghz/ 2MB	cái	1	2.209.600	2.209.600	
		Máy in HP office Jet Pro K8600	cái	1	1.400.000	1.400.000	
		Bàn làm việc (1200x 600x 750)	cái	1	750.000	750.000	
		Điện năng sử dụng	kw	120	1.725	2.484.000	
4	Bảo trì, sửa chữa					800.000	
C	SO SÁNH CHI/THU					70%	

Phụ lục 2:

DỰ TOÁN THU CHI

**Lệ phí đăng ký giao dịch bảo đảm, phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm
(Đối với hộ gia đình, cá nhân)**

**TẠI VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, THỊ XÃ LONG KHÁNH**

Stt	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Mức thu/chi	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
A	TỔNG THU				147.900.000	
1	Lệ phí đăng ký giao dịch bảo đảm				146.400.000	
a	Đăng ký giao dịch bảo đảm	Hồ sơ	1.500	80.000	120.000.000	
b	Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản bảo đảm	Hồ sơ	20	70.000	1.400.000	
c	Đăng ký thay đổi nội dung giao dịch bảo đảm đã đăng ký	Hồ sơ	50	60.000	3.000.000	
d	Xóa đăng ký giao dịch bảo đảm	Hồ sơ	1.100	20.000	22.000.000	
2	Phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm	<i>Trường hợp</i>	<i>50</i>	<i>30.000</i>	<i>1.500.000</i>	
B	DỰ TOÁN CHI				102.257.676	
1	Nhân công				80.025.876	
	Nhân công -2KTV2-hệ số lương 1,99	Người	3	1.651.700	59.461.200	
	Làm thêm ngoài giờ	Giờ	100	8.427	2.528.112	
	BHXXH, BHYT, BHTN, KPCĐ (22%)				13.081.464	
	Khen thưởng- Lương tháng 13	tháng lương	3	1.651.700	4.955.100	
2	Văn phòng phẩm				3.202.000	
	Biên lai thu phí	quyển	35	3.000	105.000	
	Giấy A4	Ram	24	60.000	1.440.000	
	Kim bấm	hộp	6	2.000	12.000	
	Hộp hồ sơ lớn	cái	20	29.800	596.000	

Stt	Nội dung		Đơn vị tính	Số lượng	Mức thu/chi	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
		Hộp hồ sơ nhỏ	cái	5	20.000	100.000	
		Bút TL-027	cây	10	2.000	20.000	
		Bút UM-100	cây	4	10.000	40.000	
		Kẹp bướm nhỏ	hộp	4	4.000	16.000	
		Bia nút	cái	10	2.600	26.000	
		Giấy A3	Ram	1	100.000	100.000	
		Mực in	hộp	1	700.000	700.000	
		Cặp 3 dây	cái	10	4.700	47.000	
3	Vật tư, khấu hao tài sản-Điện năng sử dụng					17.109.800	
		Máy vi tính P4-3.0ghz/ 2MB	cái	3	2.209.600	6.628.800	
		Máy in HP office Jet Pro K8600	cái	1	1.400.000	1.400.000	
		Bàn làm việc (1200x 600x 750)	cái	3	750.000	2.250.000	
		Điện năng sử dụng	kw	330	1.725	6.831.000	
4	Bưu phí		tháng	12	80.000	960.000	
5	Bảo trì, sửa chữa		tháng	12	80.000	960.000	
C	SO SÁNH CHI/THU					69%	

DỰ TOÁN THU CHI
Lệ phí đăng ký giao dịch bảo đảm, phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm
(Đối với hộ gia đình, cá nhân)
TẠI VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT CÁC HUYỆN

Stt	Nội dung		Đơn vị tính	Số lượng	Mức thu/chi	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
A	TỔNG THU					71.900.000	
1	Lệ phí đăng ký giao dịch bảo đảm					70.400.000	
a	Đăng ký giao dịch bảo đảm		Hồ sơ	700	80.000	56.000.000	
b	Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản bảo đảm		Hồ sơ	20	70.000	1.400.000	
c	Đăng ký thay đổi nội dung giao dịch bảo đảm đã đăng ký		Hồ sơ	50	60.000	3.000.000	
d	Xóa đăng ký giao dịch bảo đảm		Hồ sơ	500	20.000	10.000.000	
2	Phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm		<i>Trường hợp</i>	<i>50</i>	<i>30.000</i>	<i>1.500.000</i>	
B	DỰ TOÁN CHI					70.345.784	
1	Nhân công					53.350.584	
		Nhân công -2KTV2-hệ số lương 1,99	Người	2	1.651.700	39.640.800	
		Làm thêm ngoài giờ	Giờ	100	8.427	1.685.408	
		BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ (22%)				8.720.976	
		Khen thưởng- Lương tháng 13	tháng lương	2	1.651.700	3.303.400	
2	Văn phòng phẩm					3.202.000	
		Biên lai thu phí	quyển	35	3.000	105.000	
		Giấy A4	Ram	24	60.000	1.440.000	
		Kim bấm	hộp	6	2.000	12.000	
		Hộp hồ sơ lớn	cái	20	29.800	596.000	
		Hộp hồ sơ nhỏ	cái	5	20.000	100.000	
		Bút TL-027	cây	10	2.000	20.000	
		Bút UM-100	cây	4	10.000	40.000	

Sr	Nội dung		Đơn vị tính	Số lượng	Mức thu/chi	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
		Kẹp bướm nhỏ	hộp	4	4.000	16.000	
		Bìa nút	cái	10	2.600	26.000	
		Giấy A3	Ram	1	100.000	100.000	
		Mực in	hộp	1	700.000	700.000	
		Cáp 3 dây	cái	10	4.700	47.000	
3	Vật tư, khấu hao tài sản-Điện năng sử dụng					11.873.200	
		Máy vi tính P4-3.0ghz/ 2MB	cái	2	2.209.600	4.419.200	
		Máy in HP office Jet Pro K8600	cái	1	1.400.000	1.400.000	
		Bàn làm việc (1200x 600x 750)	cái	2	750.000	1.500.000	
		Điện năng sử dụng	kw	220	1.725	4.554.000	
4	Buru phí		tháng	12	80.000	960.000	
5	Bảo trì, sửa chữa		tháng	12	80.000	960.000	
C	SO SÁNH CHI/THU					98%	

BÁO CÁO THẨM TRA CỦA BAN KINH TẾ-NGÂN SÁCH
Đối với Tờ trình và Dự thảo nghị quyết của UBND tỉnh về lệ phí giao dịch
bảo đảm, phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm
trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của các Ban HĐND tỉnh trong việc thẩm tra báo cáo, tờ trình và dự thảo nghị quyết của UBND tỉnh HĐND, được quy định tại Luật tổ chức HĐND và UBND, Ban Kinh tế - Ngân sách (KT-NS) tiến hành thẩm tra dự thảo nghị quyết và tờ trình của UBND tỉnh về lệ phí giao dịch bảo đảm, phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Kết quả thẩm tra như sau:

1. Về bộ hồ sơ thẩm tra

Hồ sơ UBND tỉnh trình HĐND tỉnh, gồm có:

- Tờ trình số 8160/TTr-UBND ngày 18/11/2011 của UBND tỉnh về lệ phí giao dịch bảo đảm, phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

- Đề án lệ phí giao dịch bảo đảm, phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (có đính kèm các phụ lục về dự toán thu, chi của các tổ chức thu lệ phí và phí trên địa bàn);

- Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh về lệ phí giao dịch bảo đảm, phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

- Văn bản số 2971-A/STC-NSNN ngày 09/11/2011 của Sở Tài chính về việc thẩm định tỷ lệ % trích lệ phí giao dịch bảo đảm, phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

- Văn bản số 797/STP-XDVB ngày 01/11/2011 của Sở Tư pháp về việc thẩm định nghị quyết về lệ phí giao dịch bảo đảm, phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ quy định hiện hành, bộ hồ sơ trình là đầy đủ.

2. Về thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh

Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí số 38/2001/PL-UBTVQH10 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội ngày 28/8/2001; Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí; Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 57/2002/NĐ-CP; Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí, lệ phí; Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25/5/2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC;

Căn cứ điểm b, khoản 1 và điểm b, khoản 2 tại Điều 3; khoản 3 tại Điều 4 Thông tư liên tịch số 69/2011/TTLT-BTC-BTP ngày 18/5/2011 của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí giao dịch bảo đảm, phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm và phí sử dụng dịch vụ khách hàng thường xuyên, qui định: Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định cụ thể về mức thu, tỷ lệ phần trăm trích lại cho cơ quan thu lệ phí, phí để trang trải chi phí cho việc thực hiện thu lệ phí giao dịch bảo đảm, phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm trên địa bàn tỉnh Đồng Nai phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

Do đó, việc UBND tỉnh lập tờ trình về lệ phí giao dịch bảo đảm, phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm trên địa bàn tỉnh Đồng Nai trình HĐND tỉnh xem xét thông qua là đúng thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh.

3. Sự cần thiết ban hành nghị quyết

Trước đây, Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành nghị quyết thu lệ phí đăng ký và phí giao dịch đảm bảo trên địa bàn tỉnh Đồng Nai căn cứ theo Thông tư liên tịch số 03/2007/TTLT-BTC-BTP ngày 10/01/2007 và Thông tư liên tịch số 36/2008/TTLT-BTC-BTP ngày 29/4/2008 của Bộ Tài Chính và Bộ Tư Pháp sửa đổi bổ sung Thông tư liên tịch số 03/2007/TTLT-BTC-BTP ngày 10/01/2007 của Bộ Tài Chính và Bộ Tư Pháp về hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí giao dịch bảo đảm, phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm;

Đến ngày 18/5/2011, Bộ Tài Chính và Bộ Tư Pháp ban hành Thông tư liên tịch số 69/2011/TTLT-BTC-BTP hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí giao dịch bảo đảm, phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm và phí sử dụng dịch vụ khách hàng thường xuyên để thay thế Thông tư liên tịch số 03/2007/TTLT-BTC-BTP ngày 10/01/2007 và Thông tư liên tịch số 36/2008/TTLT-BTC-BTP ngày 29/4/2008 của Bộ Tài Chính và Bộ Tư Pháp sửa đổi bổ sung Thông tư liên tịch số 03/2007/TTLT-BTC-BTP ngày 10/01/2007 về hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí giao dịch bảo đảm, phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm.

Do đó, để làm cơ sở thực hiện việc thu lệ phí giao dịch bảo đảm, phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm trên địa bàn, UBND tỉnh lập tờ trình đề trình HĐND tỉnh thay thế quy định về lệ phí đăng ký và phí giao dịch đảm bảo được quy định tại điểm g, khoản 2, Điều 2 Nghị quyết số 92/2007/NQ-HĐND ngày 15/7/2007 là cần thiết và đúng qui định hiện hành.

4. Quy trình xây dựng Nghị quyết

Dự thảo Nghị quyết, Tờ trình và Đề án được các sở ngành, các địa phương tham gia đóng ý kiến và được Sở Tư Pháp, Sở Tài chính thẩm định. Như vậy, quy trình xây dựng nghị quyết chặt chẽ đúng trình tự quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004.

5. Về nội dung cụ thể của Nghị quyết

Đề chuẩn bị nội dung báo cáo thẩm tra các báo cáo, tờ trình và dự thảo nghị quyết của UBND tỉnh trình HĐND tỉnh tại kỳ họp thứ 3 của HĐND tỉnh,

ngày 04/11/2011, Ban KT-NS đã tham dự cuộc họp do UBND tỉnh tổ chức để góp ý cho đề án lệ phí giao dịch bảo đảm, phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Tại cuộc họp, Ban đã có ý kiến cụ thể đối với nội dung của đề án, tờ trình và dự thảo Nghị quyết. Qua thẩm tra, Ban nhận thấy, cơ quan soạn thảo đã tiếp thu, chỉnh sửa và hoàn chỉnh đề án, tờ trình.

Qua nghiên cứu cụ thể nội dung đề án, tờ trình của UBND tỉnh, đối chiếu với các văn bản quy định hiện hành, Ban KT-NS nhận thấy:

Các quy định về phạm vi điều chỉnh; đối tượng nộp lệ phí, phí; mức thu; chế độ thu, nộp, mức trích và việc quản lý, sử dụng lệ phí, phí là phù hợp với chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước và phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Trong đó, mức thu bằng mức do Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp quy định; mức trích có phân loại cho các tổ chức thu trên cơ sở cân đối giữa khả năng thu và yêu cầu thực hiện nhiệm vụ.

Ban thống nhất với các nội dung trình của UBND tỉnh.

5. Về dự thảo nghị quyết

Qua nghiên cứu dự thảo nghị quyết của UBND tỉnh trình, Ban KT-NS có ý kiến như sau:

Nội dung của dự thảo nghị quyết thể hiện đầy đủ phạm vi điều chỉnh, đối tượng nộp phí, đối tượng nộp lệ phí, đối tượng miễn nộp lệ phí, mức thu, chế độ thu, nộp, mức trích và việc quản lý, sử dụng lệ phí là phù hợp với chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và đúng với các qui định hiện hành. Đồng thời, dự thảo nghị quyết có quy định trách nhiệm của UBND tỉnh trong việc tổ chức thực hiện và trách nhiệm của Thường trực HĐND, các Ban HĐND và đại biểu HĐND tỉnh trong việc giám sát thực hiện nghị quyết.

Quy định như trên là đầy đủ và đúng quy định hiện hành.

Trên đây là báo cáo thẩm tra của Ban KT-NS đối với dự thảo nghị quyết và tờ trình của UBND tỉnh về ban hành lệ phí giao dịch bảo đảm, phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Đại biểu tham dự kỳ họp thứ 3 HĐND tỉnh khóa VIII;
- Lưu: VT, CV.

TM. BAN KINH TẾ-NGÂN SÁCH

TRƯỞNG BAN



Quách Ngọc Lan